

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 61/2008/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 7 năm 2008

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về ban hành quy định công tác quản lý các dự án, hạng mục,  
hoạt động ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin sử dụng  
vốn ngân sách nhà nước thành phố Hồ Chí Minh**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07 tháng 02 năm 2005 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và Nghị định số 112/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 16/2005/NĐ-CP về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 03/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 58/2008/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 02/2007/TT-BXD ngày 14 tháng 02 năm 2007 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về: lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình; giấy phép xây dựng và tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình quy định tại Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07 tháng 02 năm 2005 và Nghị định số 112/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2006;

Căn cứ Thông tư số 05/2007/TT-BXD ngày 25 tháng 7 năm 2007 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 63/2007/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện đấu thầu mua sắm tài sản nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước bằng vốn nhà nước và Thông tư số 131/2007/TT-BTC ngày 05 tháng 11 năm 2007 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2007/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2007 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 126/2007/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về quản lý thực hiện các dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước của thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 49/2008/QĐ-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về thành lập Sở Thông tin và Truyền thông trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Bưu chính, Viễn thông (nay là Sở Thông tin và Truyền thông) tại Tờ trình số 03/TTr-SBCVT ngày 26 tháng 5 năm 2008,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về công tác quản lý các dự án, hạng mục, hoạt động ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin sử dụng vốn ngân sách nhà nước thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký, bãi bỏ các quy định trước đây của Ủy ban nhân dân thành phố trái với Quy định được ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Trưởng Ban Chỉ đạo Chương trình ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin thành phố, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư,

Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Kho bạc Nhà nước thành phố, Thủ trưởng các sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

**Nguyễn Thành Tài**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY ĐỊNH**

**Về công tác quản lý các dự án, hạng mục, hoạt động  
ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin sử dụng vốn ngân sách  
nhà nước thành phố Hồ Chí Minh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 61/2008/QĐ-UBND  
ngày 17 tháng 7 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

### **Chương 1**

#### **CÁC QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1.** Phạm vi áp dụng: Quy định này nhằm hướng dẫn nội dung và trình tự các bước để thực hiện việc chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư, hoàn thành dự án đầu tư bàn giao đưa vào sử dụng và đánh giá hiệu quả đầu tư dự án, hạng mục, hoạt động phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin, viễn thông sử dụng ngân sách nhà nước thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 2.** Phân loại các dự án, hạng mục, hoạt động công nghệ thông tin, bao gồm các loại sau:

1. Các dự án đầu tư ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách tập trung của thành phố:

a) Các dự án đầu tư mới xây dựng cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin được bố trí sử dụng nguồn vốn ngân sách tập trung trong kế hoạch phê duyệt chung hàng năm của Ủy ban nhân dân thành phố về các dự án công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách tập trung.

b) Việc quản lý các dự án đầu tư công nghệ thông tin được thực hiện theo các quy định hiện hành về quản lý đầu tư đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

c) Cơ quan quản lý có thẩm quyền chỉ xem xét và bố trí nguồn vốn ngân sách tập trung khi dự án có tính chất đầu tư đồng bộ (bao gồm đầu tư phần cứng, đường truyền, phần mềm ứng dụng và đào tạo).

2. Các dự án, hạng mục, hoạt động ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách sự nghiệp (sự nghiệp công nghệ thông tin). Thành phố ưu tiên phân bổ ngân sách sự nghiệp cho sự nghiệp công nghệ thông tin, theo kế hoạch phê duyệt chung hàng năm của Ủy ban nhân dân thành phố về nguồn vốn ngân sách sự nghiệp, gồm các nội dung sau:

a) Đầu tư cải tạo, sửa chữa, nâng cấp các dự án đã đầu tư xây dựng.

b) Đầu tư duy trì, bảo dưỡng và nâng cao hiệu quả, hiệu suất hoạt động của hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm việc chi mua sắm phần cứng, phần mềm, cải tạo cơ sở vật chất và các dịch vụ liên quan khác).

c) Đầu tư triển khai ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác chuyên môn, nghiệp vụ... (theo yêu cầu chuyển dần thông tin trên giấy thành thông tin dưới dạng điện tử; từng bước hình thành và khai thác các kho dữ liệu điện tử; xây dựng hệ thống thông tin điện tử phục vụ cải cách hành chính nhà nước và cung cấp dịch vụ công cho xã hội; cải tiến quy trình quản lý, nâng cao năng suất và chất lượng công việc chuyên môn...).

d) Đầu tư đào tạo, phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin.

e) Đầu tư các hoạt động sự nghiệp công nghệ thông tin khác có liên quan không thuộc quy định tại khoản 1 Điều 2 của Quy định này.

Không sử dụng nguồn vốn sự nghiệp để thực hiện các dự án đầu tư xây dựng mới.

### **Điều 3. Lập kế hoạch vốn cho đầu tư và phát triển công nghệ thông tin**

1. Sở Thông tin và Truyền thông là cơ quan đầu mối hướng dẫn chính sách, thủ tục quy định và hỗ trợ chủ đầu tư về thủ tục hành chính trong quản lý các dự án, hoạt động, hạng mục công nghệ thông tin sử dụng vốn ngân sách nhà nước. Hàng năm, Sở Thông tin và Truyền thông căn cứ quy hoạch và kế hoạch phát triển ngành để tổng hợp, xây dựng chương trình, kế hoạch ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trên địa bàn thành phố, đề xuất nguồn vốn, tổng kinh phí đầu tư theo nội dung tiến độ xây dựng kế hoạch chung của thành phố; gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính xem xét tổng hợp và trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt giao chỉ tiêu kinh phí từ các nguồn vốn cho Sở Thông tin và Truyền thông.

2. Trên cơ sở chỉ tiêu hàng năm về nguồn vốn ngân sách đầu tư tập trung đã được thành phố phê duyệt, Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm phân bổ chi tiết và lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản của Sở Kế hoạch và Đầu tư; tổng hợp hồ sơ

trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt kế hoạch chi tiết về danh mục các dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách tập trung; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố về việc sử dụng hiệu quả nguồn vốn này.

3. Trên cơ sở chỉ tiêu hàng năm về nguồn vốn ngân sách sự nghiệp, Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm phân bổ chi tiết và lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản của Sở Tài chính; tổng hợp hồ sơ trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt kế hoạch chi tiết về danh mục các dự án, hoạt động, hạng mục sử dụng nguồn vốn sự nghiệp; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố về việc sử dụng hiệu quả nguồn vốn này.

## **Chương 2**

### **LẬP, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN - VIỄN THÔNG**

#### **Điều 4. Chuẩn bị đầu tư**

##### 1. Lập dự án đầu tư:

a) Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm hướng dẫn chủ đầu tư lập dự án đầu tư hoặc lập báo cáo kinh tế kỹ thuật theo đúng quy định.

b) Căn cứ thông báo của Sở Thông tin và Truyền thông về kế hoạch vốn chuẩn bị dự án đầu tư, chủ đầu tư tự phê duyệt nhiệm vụ khảo sát và dự toán chi phí nghiên cứu lập dự án; chịu trách nhiệm lựa chọn đơn vị tư vấn có năng lực, kinh nghiệm theo quy định để lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư.

c) Việc lựa chọn đơn vị tư vấn lập dự án đầu tư và lập thiết kế cơ sở đối với dự án đầu tư xây dựng công trình cơ sở công nghệ thông tin và bưu chính, viễn thông thực hiện theo Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07 tháng 02 năm 2005 của Chính phủ; Điều 41 của Luật Xây dựng; Mục 1 Chương II của Luật Đấu thầu.

##### 2. Lập Thuyết minh hoạt động và hạng mục.

Căn cứ thông báo của Sở Thông tin và Truyền thông về chỉ tiêu phân bổ kinh phí sự nghiệp công nghệ thông tin được giao hàng năm, các đơn vị lập Thuyết minh công việc và dự toán chi tiết hoạt động, hạng mục công nghệ thông tin trình Sở Thông tin và Truyền thông xem xét và phê duyệt. Thuyết minh công việc và dự toán phải bao gồm các nội dung sau:

##### a) Tóm tắt về mục tiêu và tổng mức kinh phí;

- b) Danh mục và mô tả chi tiết nội dung các hoạt động, hạng mục công nghệ thông tin hoặc bưu chính, viễn thông cần thực hiện, kèm theo cơ sở tính toán chi phí;
- c) Các phương án tổ chức thực hiện và biện pháp phòng ngừa rủi ro;
- d) Kiến nghị và đề xuất nếu có.

**Điều 5.** Việc lập thuyết minh dự án và thiết kế cơ sở cho dự án bưu chính, viễn thông thực hiện theo hướng dẫn tại Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07 tháng 02 năm 2005 và Nghị định số 112/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2006 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2007 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình, Nghị định số 03/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2008 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2007/NĐ-CP, Thông tư số 02/2007/TT-BXD ngày 14 tháng 02 năm 2007 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình, giấy phép xây dựng và tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, Thông tư số 05/2007/TT-BXD ngày 25 tháng 7 năm 2007 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình và các quy định hiện hành khác có liên quan.

Giao Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể về nội dung lập dự án đầu tư, thiết kế cơ sở của dự án công nghệ thông tin, nội dung hoạt động, hạng mục công nghệ thông tin để các sở - ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện và chủ đầu tư thực hiện theo quy định.

#### **Điều 6. Hồ sơ trình duyệt**

1. Đối với dự án công nghệ thông tin, bưu chính, viễn thông (sử dụng nguồn vốn tập trung và nguồn vốn sự nghiệp):

- a) Tờ trình phê duyệt dự án.
- b) Tờ trình thẩm định thiết kế cơ sở.
- c) Dự án đầu tư có đóng dấu của chủ đầu tư, đơn vị tư vấn thực hiện.
- d) Thiết kế cơ sở (áp dụng cho các dự án đầu tư xây dựng công trình) có đóng dấu của chủ đầu tư và của đơn vị tư vấn, kèm văn bản thẩm định của các cơ quan liên quan.
- e) Thông báo giao kế hoạch vốn của Sở Thông tin và Truyền thông hoặc văn bản chấp thuận chuẩn bị dự án của Ủy ban nhân dân thành phố (nếu có).
- f) Bản sao điện tử của hồ sơ dự án (nếu có).

Hồ sơ các dự án đầu tư tài sản cố định không kèm theo chi phí xây lắp thì không cần các tài liệu quy định tại điểm b và điểm d.

Khuyến khích các chủ đầu tư nộp hồ sơ dự án trên mạng.

2. Đối với các hoạt động, hạng mục công nghệ thông tin (nguồn vốn sự nghiệp):

a) Tờ trình phê duyệt dự toán chi tiết hoạt động, hạng mục công nghệ thông tin.

b) Ý kiến bằng văn bản của cơ quan chủ quản (nếu có).

c) Thông báo giao kế hoạch vốn của Sở Thông tin và Truyền thông hoặc văn bản pháp lý liên quan đến chủ trương đầu tư (văn bản của Ủy ban nhân dân thành phố chấp thuận).

d) Dự toán chi tiết kèm Thuyết minh hoạt động và hạng mục đầu tư.

### **Điều 7. Thẩm quyền thẩm định và phê duyệt**

1. Thẩm quyền quyết định phê duyệt dự án:

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư là đơn vị đầu mối tổ chức thẩm định trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định đầu tư các dự án nhóm A.

b) Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông quyết định đầu tư các dự án nhóm B, C chuyên ngành công nghệ thông tin, bưu chính, viễn thông sử dụng vốn ngân sách thành phố.

2. Đối với thiết kế cơ sở:

Sở Thông tin và Truyền thông thẩm định thiết kế cơ sở các dự án nhóm B, C chuyên ngành công nghệ thông tin, bưu chính, viễn thông; trường hợp dự án đầu tư công nghệ thông tin, bưu chính, viễn thông liên quan đến nhiều chuyên ngành thì Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì thẩm định thiết kế, chịu trách nhiệm lấy ý kiến của các sở - ngành, quận - huyện liên quan.

3. Thẩm định giá đối với dự án mua sắm:

Sở Thông tin và Truyền thông làm đầu mối thẩm định giá cả máy móc, thiết bị trước khi phê duyệt hoặc thẩm định để trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án đối với những dự án đầu tư nhóm B, C sử dụng vốn ngân sách nhà nước mà không kèm chi phí xây lắp. Căn cứ dự án đầu tư được duyệt, chủ đầu tư chịu trách nhiệm lập và phê duyệt dự toán.

4. Thẩm định dự toán và phê duyệt hoạt động, hạng mục:

Sở Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ, thẩm định và



phê duyệt dự toán chi tiết của từng công việc, hạng mục đã được giao chỉ tiêu kế hoạch kinh phí.

5. Thời gian thẩm định:

a) Thời gian thẩm định thiết kế cơ sở dự án nhóm C là 10 ngày làm việc và nhóm B là 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Thời gian thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư nhóm C không quá 10 ngày, kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ.

d) Thời gian thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư nhóm B không quá 15 ngày, kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ.

e) Thời gian thẩm định và phê duyệt hoạt động, hạng mục không quá 10 ngày, kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ.

### **Điều 8. Thẩm định, phê duyệt Thiết kế - Tổng dự toán**

1. Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn chủ đầu tư thực hiện lập Thiết kế - Tổng dự toán theo đúng các quy định hiện hành.

2. Chủ đầu tư phê duyệt Thiết kế - Tổng dự toán công trình thuộc các dự án theo đúng các quy định của pháp luật.

## **Chương 3 QUẢN LÝ ĐẦU THẦU**

### **Điều 9. Đối với Sở Kế hoạch và Đầu tư**

Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện quản lý nhà nước về đấu thầu theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố, chịu trách nhiệm hướng dẫn các sở - ngành, quận - huyện thực hiện các nội dung về công tác đấu thầu, kiểm tra và tổng hợp báo cáo công tác đấu thầu các dự án thuộc phạm vi thành phố quản lý.

### **Điều 10. Đối với Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan**

1. Về đấu thầu:

a) Đối với các dự án sử dụng nguồn vốn tập trung: phân cấp cho Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức thẩm định, phê duyệt kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu (hồ sơ yêu cầu), kết quả lựa chọn nhà thầu (kể cả trường hợp áp dụng hình thức chỉ định thầu) đối với gói thầu thuộc các dự án nhóm B, C đã được Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp cho Sở quyết định đầu tư tại Điều 10 Quy định này.

Công tác đấu thầu của các dự án nhóm A thực hiện theo hướng dẫn tại Quyết định số 126/2007/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố.

b) Đối với các hoạt động, hạng mục sử dụng nguồn vốn sự nghiệp:

Phân cấp cho Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông quyết định mua sắm tài sản và thẩm định, phê duyệt kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc các hoạt động, hạng mục triển khai ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng ngân sách sự nghiệp.

2. Về chỉ định thầu:

Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định hồ sơ trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, chấp thuận chủ trương chỉ định thầu các gói thầu tư vấn có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên, gói thầu xây lắp hoặc mua sắm hàng hóa có giá trị từ 1 tỷ đồng trở lên.

**Điều 11.** Hình thức lựa chọn nhà thầu, thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương 2 Luật Đấu thầu.

## Chương 4

### THANH TOÁN VÀ QUYẾT TOÁN VỐN

#### **Điều 12. Quyết toán vốn đầu tư**

Sở Tài chính thành phố chịu trách nhiệm thẩm định và trình duyệt quyết toán vốn đầu tư các dự án do Ủy ban nhân dân thành phố quyết định đầu tư theo quy định tại Quyết định số 5653/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố; thẩm định và phê duyệt quyết toán vốn đầu tư các dự án nhóm B, C do các Sở quyết định đầu tư.

#### **Điều 13. Thanh toán các hoạt động, hạng mục**

Căn cứ vào dự toán được xét duyệt, Sở Thông tin và Truyền thông ký kết hợp đồng thực hiện, đồng thời làm thủ tục giải ngân cho đơn vị thụ hưởng theo tiến độ thực hiện và kinh phí được bố trí cho hạng mục đó.

Việc giải ngân cho từng hoạt động, hạng mục được duyệt trong năm không vượt tổng mức bố trí đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt cho hoạt động, hạng mục đó. Trong trường hợp kinh phí cho hoạt động, hạng mục cần thiết phải giải ngân vượt dự toán được duyệt trong năm, Sở Thông tin và Truyền thông trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét điều chỉnh.

**Điều 14. Quyết toán vốn sự nghiệp công nghệ thông tin**

Đơn vị thực hiện dự án, hoạt động, hạng mục có trách nhiệm lập quyết toán và cung cấp chứng từ quyết toán cho Sở Thông tin và Truyền thông kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ của chứng từ và nội dung thực hiện hợp đồng, thanh lý hợp đồng, sau đó lập biên bản xét duyệt quyết toán cho đơn vị, đồng thời tổng hợp số liệu quyết toán ngân sách theo chế độ hiện hành.

Sở Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm đầu mối, tổng hợp báo cáo quyết toán chung theo trình tự quy định.

Sở Tài chính chịu trách nhiệm thẩm định và trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt quyết toán vốn thực hiện dự án, hoạt động, hạng mục trên cơ sở tổng hợp báo cáo quyết toán của Sở Thông tin và Truyền thông.

**Điều 15. Quản lý chất lượng công trình công nghệ thông tin**

Giao Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông căn cứ Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2004 về quản lý chất lượng công trình xây dựng, Điều 17 của Quyết định 126/2007/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố và các quy định hiện hành để có văn bản hướng dẫn các sở, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện, các chủ đầu tư và các cơ quan, đơn vị có liên quan về quản lý chất lượng công trình ngành công nghệ thông tin.

**Chương 5****ĐIỀU KIỆN NĂNG LỰC CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG  
HOẠT ĐỘNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN - VIỄN THÔNG****Điều 16. Tổ chức tư vấn lập dự án phải đạt các điều kiện sau đây**

- a) Có đăng ký hoạt động lập dự án đầu tư xây dựng công trình;
- b) Có điều kiện năng lực hoạt động xây dựng phù hợp với công việc lập dự án đầu tư xây dựng công trình;
- c) Có người đủ năng lực hành nghề lập dự án đầu tư xây dựng công trình phù hợp với yêu cầu của dự án đầu tư xây dựng công trình để đảm nhận chức danh chủ nhiệm lập dự án; cá nhân tham gia lập dự án phải có năng lực hành nghề phù hợp với từng loại dự án đầu tư xây dựng công trình.

**Điều 17. Tổ chức tư vấn thiết kế phải đạt các điều kiện sau đây**

- a) Có đăng ký hoạt động thiết kế công trình công nghệ thông tin;

- b) Có đủ điều kiện năng lực hoạt động thiết kế công trình công nghệ thông tin;
- c) Cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm thiết kế, chủ trì thiết kế phải có năng lực hành nghề thiết kế công trình công nghệ thông tin.

**Điều 18. Tổ chức tư vấn thiết kế phải đạt các điều kiện sau đây**

- a) Có đăng ký hoạt động tư vấn thiết kế công trình viễn thông;
- b) Có đủ điều kiện năng lực hoạt động tư vấn thiết kế công trình viễn thông;
- c) Cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm thiết kế, chủ trì thiết kế phải có năng lực hành nghề thiết kế công trình viễn thông và có chứng chỉ hành nghề phù hợp với yêu cầu của loại, cấp công trình./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

**Nguyễn Thành Tài**